

Bản án số: 1024/2024/DS-PT
Ngày: 16/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 734/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án số 3036/2024/DSST ngày 17/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5461/2024/QĐPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17110/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số A đường M, khu phố E, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tô Thị T, sinh năm 1998 và bà Phạm Thị Hải D. (Bà T có mặt, bà D vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ngõ ba C, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 503, quyền số 01 SCT/CK.ĐC ngày 28/6/2023 do Văn phòng công chứng Lê Đình T, tỉnh Bình Dương chứng thực).

2/ Bị đơn: Bà Trương Thị Kim D, sinh năm 1961. (Có mặt)

Địa chỉ: Số G đường C, tổ A, khu phố Y, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trương Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N và người đại diện theo ủy quyền là Bà Tô Thị T trình bày: Do quen biết nhau nên Bà Nguyễn Hồng N đã cho Bà Trương Thị Kim D vay số tiền 132.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022, thời hạn trả là vào tháng 12/2022. Nguyên đơn đã giao đủ số tiền trên cho bị đơn. Đồng thời, bị đơn cam kết sẽ trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (tương đương 1.136%/tháng). Trong suốt thời gian vay tiền, mặc dù bị đơn không trả tiền lãi mỗi tháng nhưng nguyên đơn vẫn không đòi vì thấy bị đơn đang gặp khó khăn, đồng thời bị đơn có hứa sau khi hết thời hạn vay bị đơn sẽ trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn một lần.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ bị đơn không giữ lời hứa. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải thanh toán dứt điểm cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật nhưng bị đơn lại trốn tránh và có thái độ bất hợp tác.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc Bà Trương Thị Kim D phải có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Bà Nguyễn Hồng N số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng và tiền lãi được tính như sau:

- Số tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay theo Giấy mượn tiền ngày 24/01/2022 tính từ ngày 24/01/2022 đến ngày 24/12/2022 là: 132.000.000 đồng x 11 tháng x 1.136%/tháng = 16.494.720 đồng.

- Số tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/6/2024 là: 132.000.000 đồng x 1,5% x 18 tháng = 35.640.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 184.134.720 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Bà Trương Thị Kim D trình bày: Bà xác nhận bà có vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên việc vay tiền diễn ra nhiều lần vào khoảng thời gian năm 2019 và bà đã chuyển trả cho nguyên đơn một số tiền. Đến ngày 24/01/2022 bà viết Giấy mượn tiền có nội dung “...Bị đơn có mượn của chị Nguyễn Hồng N số tiền là 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu đồng...)”. Giấy mượn tiền là do bà viết và ký tên để xác nhận số tiền bà còn nợ nguyên đơn là 132.000.000 đồng. Do hiện nay kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn nên bà xin nguyên đơn giảm cho bà số tiền 32.000.000 đồng là còn 100.000.000 đồng nợ gốc. Bà xin nguyên đơn

không tính lãi và xin được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ trên cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3036/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N.

Buộc bị đơn Bà Trương Thị Kim D phải trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N tổng số tiền là: 184.134.720 đồng, trong đó: nợ gốc là 132.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 16.494.720 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.640.000 đồng, theo Giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2022 trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/7/2024, bị đơn Bà Trương Thị Kim D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng yêu cầu nguyên đơn giảm cho bị đơn số tiền nợ gốc còn 100.000.000 đồng và không tính lãi, bị đơn xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Bị đơn Bà Trương Thị Kim D trình bày: Bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà. Do hiện nay bà chỉ có lương hưu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin giảm 32.000.000 đồng tiền gốc còn 100.000.000 đồng. Bà xin nguyên đơn không tính lãi và cho bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà Tô Thị T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà Trương Thị Kim D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên Bản án số 3036/2024/DS-ST. Ngày 26/7/2024, bị đơn Bà Trương Thị Kim D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của đương sự trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Trương Thị Kim D về việc yêu cầu nguyên đơn giảm 32.000.000 đồng trên tiền nợ gốc; yêu cầu không tính lãi và xin được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2022 và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định bị đơn vay nguyên đơn số tiền 132.000.000 đồng. Theo thỏa thuận của các bên, thời hạn trả nợ là ngày 24/12/2022, tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay, bị đơn chưa thanh toán được bất kỳ số tiền nào cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn khai trong quá trình vay bà đã trả cho nguyên đơn một vài lần bằng hình thức chuyển khoản nhưng việc chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn đều diễn ra vào năm 2019. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thể hiện bà đã thanh toán bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến khoản vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2022, nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2022 và xác nhận của các đương sự thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng, tương đương 1,136%/tháng. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có lãi. Nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả lãi, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền lãi là 52.134.720 đồng (trong đó lãi trong hạn là 16.494.720 đồng được tính từ ngày 24/01/2022 đến ngày 24/12/2022 theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,136%/tháng; lãi quá hạn là 35.640.000 đồng được tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/6/2024 theo mức lãi suất 1,5%/tháng) là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu nguyên đơn giảm 32.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc, làm tròn là 100.000.000 đồng. Bị đơn đề nghị không tính lãi và xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

Xét, bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn 132.000.000 đồng và việc vay tiền giữa các bên có thỏa thuận lãi suất. Do đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn phải trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn làm một lần theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trương Thị Kim D, quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Bà Trương Thị Kim D không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Bà D là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự và thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị đơn được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trương Thị Kim D.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N.

Buộc bị đơn Bà Trương Thị Kim D phải trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Hồng N tổng số tiền là: **184.134.720** (Một trăm tám mươi bốn triệu, một trăm ba

mười bốn ngàn, bảy trăm hai mươi) đồng, trong đó: nợ gốc là 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là: 16.494.720 (Mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn, bảy trăm hai mươi) đồng; nợ lãi quá hạn là 35.640.000 (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn) đồng, theo Giấy mượn tiền đề ngày 24/01/2022, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.206.736 (Chín triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, bảy trăm ba mươi sáu) đồng. Tuy nhiên Bà Trương Thị Kim D là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị đơn được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên Bà Trương Thị Kim D là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm và thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị đơn được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- TAND Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền



